TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2022/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 12- 2022
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Hương
2. Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Dương Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Chinh – Kiểm sát viên .

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 130/2022/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Thành A**, sinh năm 1996;
HKTT và nơi ở hiện nay: Xóm SQ, xã HT, huyện Đ,tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: **Chị Ân Thị Thu V**, sinh năm 1996;
HKTT: Xóm SQ, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
Nơi ở hiện nay: Xóm CS, xã LS, TP. T, tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Nguyễn Thành A trình bày: Anh và chị Ân Thị Thu V kết hôn năm 2019, do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị V về làm dâu gia đình anh, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng

hạnh phúc đến giữa năm 2022 anh thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt. Lý do anh xin ly hôn chị V là do anh có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác mặc dù chị V không có lỗi gì với anh nhưng anh không còn tình cảm vợ chồng với chị V. Gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn với nhau nhưng anh không còn tình cảm với chị V nữa. Hiện tại vợ chồng đã ly thân khoảng từ tháng 8/2022 đến nay. Khi chị V phát hiện ra anh có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị V rất tức giận anh và bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị V tại xóm CS, xã LS, thành phố T ở, anh cũng không quan tâm gì đến tình cảm của chị V. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V.

Tại phiên tòa hôm nay, anh A vẫn xác định từ giữa năm 2022 đến nay anh không còn quan hệ vợ chồng với chị V, mục đích hôn nhân không đạt được, anh kiên quyết xin ly hôn với chị V để ổn định cuộc sống cho dù chị V không có lỗi gì với anh, chỉ là anh không còn yêu thương chị V.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/01/2021, hiện nay con đang ở cùng với chị V;

Quan điểm của anh khi ly hôn: Anh muốn được nuôi con chung, khi hòa giải tại Tòa án chị V có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/01/2021 đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) anh cũng nhất trí với nguyện vọng của chị V. Tuy anh không trực tiếp nuôi con nhưng anh sẽ có trách nhiệm với con đến khi con trưởng thành. Anh có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng như ý kiến của chị V trong phiên hòa giải tại Tòa án yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/tháng(Ba triệu đồng) đến khi con trưởng thành.

Về Tài sản chung, nợ chung: Anh xin tự thỏa thuận với chị V, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bị đơn – Chị Ân Thị Thu V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành A tìm hiểu nhau từ năm 2014 đến năm 2019 mới kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LS, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại xóm SQ, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cùng gia đình chồng. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, tuy nhiên đến khoảng tháng 8 năm 2022 chị phát hiện ra anh A có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bản thân chị cùng gia đình anh A đã đến gặp người phụ nữ kia để nói chuyện nhưng anh A và người phụ nữ kia bất chấp lời khuyên can của vợ và gia đình, mâu thuẫn vợ

chồng đã được hai bên gia đình hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh A không chấm dứt mối quan hệ mà vẫn tiếp tục có quan hệ bất chính với người phụ nữ kia. Hiện tại chị và con gái về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay.

Nay anh A có đơn xin ly hôn chị không đồng ý vì chị vẫn còn tình cảm với anh A, chị muốn có vợ có chồng để con có cả bố và mẹ. Trường hợp anh A kiên quyết ly hôn thì chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/01/2021. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh A có quyền đi lại thăm nom con chung chị không ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đề nghị anh A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/01/2021 với mức 3.000.000 đồng/tháng(Ba triệu đồng) đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh A xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương nơi cư trú của anh A, chị V để tình trạng hôn nhân. Bà Trần Thị C– Trưởng xóm SQ, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cung cấp: Anh Nguyễn Thành A và chị Ân Thị Thu V kết hôn năm 2019, sau khi kết hôn chị V về sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm SQ, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà được biết vì anh A có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, gia đình anh A cùng vợ chồng anh A, chị V có tổ chức hòa giải để anh A chị V quay lại với nhau, có mời bà sang đại diện xóm tham gia hòa giải. Tuy nhiên hôm đó bà đang đi bệnh viện chữa bệnh nên không tham gia được. Sau đó vài ngày bà có sang nhà anh A nói chuyện với mẹ đẻ của anh A và được biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh A có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, gia đình đã khuyên giải nhưng anh A không thay đổi. Hiện nay, chị V mang con về nhà mẹ đẻ ở xóm CS, xã LS, thành phố T ở, không thấy trở về xóm ở cùng gia đình chồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về toàn bộ nội dung vụ án nhưng hai bên đương sự vẫn không thống nhất được với nhau về quan hệ hôn nhân, anh A vẫn giữ nguyên ý kiến không còn tình cảm vợ chồng với chị V và xin được ly hôn chị V, vì vậy Tòa án phải đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa,

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã phân tích, động viên anh A trở về với chị V để xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh A vẫn kiên quyết ly hôn chị V.

Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Thành A, cho anh Nguyễn Thành A được ly hôn với chị Ân Thị Thu V.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh T sinh ngày 12/01/2021 cho chị Ân Thị Thu V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành. Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Thành A tự nguyện cấp dưỡng cho con chung mức 3.000.000 đồng/ tháng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có thay đổi khác. Thời điểm thực hiện tính từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Anh A và chị V không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

+ Án phí: Anh Nguyễn Thành A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con vào Ngân sách nhà nước.

+ Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 điều 28; đương sự có hộ khẩu thường trú và trú tại xóm SQ, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành A kết hôn chị Ân Thị Thu V năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LS, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh A chị V sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 8/2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì lý do anh A có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên không quan tâm đến chị V. Hiện tại, vợ chồng sống ly thân, chị V mang theo con về nhà bố mẹ đẻ ở tại xóm CS, xã LS, thành phố TN từ tháng 8/2022 đến nay. HĐXX xét thấy hôn nhân giữa anh A và chị V đã sống ly thân từ tháng 8/2022, hiện nay hai bên không cùng sống chung một nhà mà sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm nhau cả hai bên đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà để mặc cho tình trạng vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong trường hợp này, anh A đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, không chung thủy với chị V nên xác định tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Nội dung điều luật quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

HĐXX căn cứ Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Nguyễn Thành A được ly hôn chị Ân Thị Thu V là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh A và chị V xác định có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/01/2021, hiện con đang ở với chị V và do chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, anh A và chị V đều có nguyện vọng được nuôi con chung đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi).

HĐXX xét thấy con chung còn nhỏ hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, thực tế chị V đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên giao cho Chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/01/2021 đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác, anh A có quyền đi lại thăm nom con chung.

+ *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Nguyễn Thành A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/ tháng cho tới khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

+ *Phương thức cấp dưỡng nuôi con*: Được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo thời giá thị trường tại thời điểm các bên thực hiện việc cấp dưỡng và nuôi con. Nếu các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng tại thời điểm các bên phải thực hiện thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh A không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng anh A còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 về lãi suất trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh A và chị V xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Nguyên đơn - Anh Nguyễn Thành A phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0005439 ngày 13/10/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Nguyễn Thành A phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào Ngân sách nhà nước.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng : Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 271, 273, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Thành A đối với chị Ân Thị Thu V. Cho anh Nguyễn Thành A được ly hôn chị Ân Thị Thu V.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/01/2021 cho chị Ân Thị Thu V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên đương sự có sự thay đổi khác.

** Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Nguyễn Thành A có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung;

** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:*Anh Nguyễn Thành A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/01/2021 với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) / tháng cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

** Về phương thức cấp dưỡng nuôi con*: Được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo thời giá thị trường tại thời điểm các bên thực hiện việc cấp dưỡng và nuôi con. Nếu các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng tại thời điểm các bên phải thực hiện thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh An không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng anh An còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 về lãi suất trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Án phí*:* Anh Nguyễn Thành A phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0005439 ngày 13/10/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Nguyễn Thành A phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào Ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự tại phiên tòa, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND nơi ĐKKH năm 2019, xã LS, TPTN, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái